

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 109/2023/DS-PT

Ngày: 14/8/2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng

đất và chia thừa kế tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy

Ông Nguyễn Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - KSV

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn C, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố Vân Hội 1, thị trấn DTR, huyện TP, tỉnh BD (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Duy T, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 2, khu phố 7, phường Nhơn Phú, thành phố QN, tỉnh BD đại diện theo uỷ quyền (Theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 11 tháng 6 năm 2021)(có mặt).

Bị đơn: Ông Lê S, sinh năm 1945; địa chỉ: Khu phố Vân Hội 1, thị trấn DTR, huyện TP, tỉnh BD (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Hồng C, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu phố Vân Hội 2, thị trấn DTR, huyện TP, tỉnh BD (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Anh Lê Hoàng D, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố Vân Hội 2, thị trấn DTR, huyện TP, tỉnh BD (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Anh Lê Đình Ph, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố Vân Hội 1, thị trấn DTR, huyện TP, tỉnh BD (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Anh Lê Văn H, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố Vân Hội 2, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Chị Lê Thị Chánh T, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Thanh Long, xã PM, thành phố QN, tỉnh BD (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

6. Anh Lê Hoàng T, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 11, khu phố 7, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

7. Chị Lê Thị Chánh T, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Hanh Quang, xã PL, huyện TP, tỉnh BD (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

8. Anh Lê Hoàng Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà 53 đường Trần Quốc Toản, thành phố BMT, tỉnh DL (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

9. Chị Lê Thị Chánh H, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Vĩnh Hy, xã PL, huyện TP, tỉnh BD (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

10. Chị Lê Thị Chánh Th, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 3, xã Cư Ni, huyện Ea Kar, tỉnh DL (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

11. Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố Vân Hội 1, thị trấn DTR, huyện TP, tỉnh BD (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

12. Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn HĐ, xã NA, thị xã AN, tỉnh BD (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

13. Anh Lê Văn L, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Lãnh Vân, xã XL, huyện ĐX, tỉnh PY (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

14. Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1954; địa chỉ: Số nhà 28 đường Yên Đỗ, phường Yên Đỗ, thành phố P, tỉnh GIL (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

15. Anh Lê Văn Th, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố VH, thị trấn DTR, huyện TP, tỉnh BD (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Lê S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn C trình bày:

Anh là cháu ruột của ông Lê S. Cha, mẹ của anh là ông Nguyễn Đức Th và bà Lê Thị H. Cha, mẹ của anh sinh được 02 người con gồm anh là Nguyễn C và em ruột của anh là anh Nguyễn B. Ngoài ra cha, mẹ của anh không còn con riêng hay con nuôi nào khác. Mẹ của anh chết vào năm 2013; em ruột của anh là anh Nguyễn B chết vào năm 2015. Ông, bà ngoại của anh là cụ Lê Ch và cụ Trần Thị M. Ông, bà ngoại của anh sinh được 06 người con gồm: Bà Lê Thị X, bà Lê Thị H, ông Lê S, bà Lê Thị Ngọc A, ông Lê Văn L và mẹ của anh là bà Lê Thị H. Ngoài ra ông bà ngoại của anh không còn con riêng hay con nuôi nào khác. Ông ngoại của anh chết vào năm 1999, bà ngoại của anh chết vào năm 2003. Ông, bà ngoại của anh chết không để lại di chúc. Bà Lê Thị X chết vào năm 2010; bà X có chồng là ông Lê Hoàng Th chết vào năm 2008. Bà X có các người con gồm anh Lê Hồng Công, anh Lê Hoàng Danh, anh Lê Đình Phú, anh Lê Văn Học, chị Lê Thị Chánh Tâm, anh Lê Hoàng Tín, chị Lê Thị Chánh Tuyết, anh Lê Hoàng Đức, chị Lê Thị Chánh Hạnh, chị Lê Thị Chánh Thứ. Bà Lê Thị H chết vào năm 2001; bà H có chồng tên gì thì anh không biết; bà H sinh được 02 người con, một người tên Quang đã chết, không có vợ con và chị Huỳnh Thị T. Ông Lê Văn L chết vào năm 1976; có vợ tên gì anh không biết; ông L có một người con là anh Lê Văn L. Nguồn gốc thửa đất số 394, tờ bản đồ số 08, diện tích 880m² nay là thửa đất số 95, tờ bản đồ số 21, diện tích 963,6m²) đất nông nghiệp trồng lúa tại khu phố Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định do ông, bà ngoại của anh tặng cho cho mẹ của anh sử dụng vào năm 1989 nhưng không có lập văn bản, ký kết hợp đồng hay bất kỳ giấy tờ gì. Mẹ của anh sử dụng thửa đất này đến năm 2013 thì mẹ của anh chết nên anh là người trực tiếp sử dụng thửa đất này đến năm 2020. Vào năm 2020 khi anh đang sử dụng thửa đất trên thì ông Lê S đến thửa đất ngăn cản, không cho anh sử dụng đất và ông Lê S sử dụng thửa đất này cho đến nay. Nay anh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê S trả lại thửa đất trên cho anh sử dụng. Trường hợp Tòa án xác định thửa đất trên là di sản của ông, bà ngoại của anh chết để lại chưa phân chia thì anh yêu cầu chia thừa kế tài sản

trên theo quy định của pháp luật. Anh yêu cầu nhận bằng hiện vật. Hiện nay thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai sử dụng.

Bị đơn ông Lê S trình bày:

Ông là cậu ruột của anh Nguyễn C. Ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của anh Nguyễn C về mối quan hệ gia đình của ông. Cha, mẹ của ông chết không để lại di chúc. Ông thừa nhận nguồn gốc thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của cha, mẹ của ông. Vào năm 1984, cha mẹ của ông có cho bà Lê Thị H mượn thửa đất trên để canh tác trồng lúa. Đến năm 2013 bà H chết thì anh Nguyễn C canh tác thửa đất trên. Đến năm 2020 ông yêu cầu anh C trả lại thửa đất trên cho ông sử dụng và ông đã sử dụng thửa đất này cho đến nay. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn C vì ông canh tác, sử dụng thửa đất này để có tiền thờ cúng cha mẹ của ông. Vì thửa đất trên là di sản của cha mẹ của ông chết để lại cho ông nên ông yêu cầu Toà án giao cho ông được quyền sử dụng thửa đất trên. Ông không yêu cầu chia thừa kế tài sản thửa đất trên. Hiện nay thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Th trình bày:

Anh là con ruột của ông Lê S. Anh thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của cha của anh. Hiện nay cha của anh là người trực tiếp quản lý thửa đất trên nên cha của anh toàn quyền quyết định chứ anh không quản lý thửa đất trên nên anh không tranh chấp hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hồng C, anh Lê Hoàng D, anh Lê Văn H, chị Lê Thị Chánh T, chị Lê Thị Chánh T, anh Lê Hoàng Đ, chị Lê Thị Chánh H, chị Huỳnh Thị T, bà Lê Thị Ngọc A, anh Lê Văn L vắng mặt nhưng tại lời khai anh Lê Hồng C, anh Lê Hoàng D, anh Lê Văn H, chị Lê Thị Chánh T, chị Lê Thị Chánh T, anh Lê Hoàng Đ, chị Lê Thị Chánh H, chị Huỳnh Thị T, bà Lê Thị Ngọc A, anh Lê Văn L thống nhất trình bày:

Các bà, anh, chị đều thống nhất về quan hệ gia đình như nguyên đơn anh Nguyễn C trình bày. Nguồn gốc thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ Lê Ch, cụ Trần Thị M. Vợ chồng cụ Lê Ch, cụ Trần Thị M chết không để lại di chúc. Trước khi chết cụ Lê Ch, cụ Trần Thị M giao thửa đất trên cho bà Lê Thị H sử dụng. Nay các bà, anh, chị không tranh chấp, yêu cầu gì đối với di sản trên mà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn C về việc yêu cầu ông Lê S có nghĩa vụ trả lại thửa đất trên cho anh Nguyễn C sử dụng. Trường hợp Toà án phân chia thừa kế tài sản là thửa đất trên thì các bà, anh, chị đều thống nhất tặng cho kỷ phần được nhận cho anh Nguyễn C sở hữu, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Đình Phú vắng mặt nhưng tại lời khai anh Lê Đình Ph trình bày:

Anh thống nhất về quan hệ gia đình như nguyên đơn anh Nguyễn C trình bày. Nguồn gốc thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của ông, bà ngoại anh. Ông, bà ngoại của anh chết không để lại di chúc. Nay anh đồng ý giao thửa đất trên cho ông Lê S sử dụng để thờ cúng ông, bà. Trường hợp Toà án phân chia thừa kế tài sản là thửa đất trên thì anh tặng cho kỷ phần được nhận cho ông Lê S sở hữu, sử dụng. Ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Chánh Th vắng mặt nhưng tại lời khai chị Lê Thị Chánh Th trình bày:

Về mối quan hệ gia đình cụ thể như thế nào thì chị không biết chính xác. Chị cũng không biết nguồn gốc thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của ai nên chị không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với thửa đất trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Th vắng mặt nhưng tại lời khai ông Nguyễn Đức Th trình bày:

Ông là chồng của bà Lê Thị Hnhung ông và bà H đã ly hôn vào năm 1976. Ông không biết nguồn gốc thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của ai nên ông không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với thửa đất trên. Trường hợp Toà án phân chia thừa kế tài sản là thửa đất trên thì kỷ phần của ông được nhận ông tặng cho cho anh Nguyễn C sở hữu, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa họp lệ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng Ttham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Lê Hoàng Tkhông trình bày ý kiến đối với việc giải quyết vụ án, không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của nguyên đơn anh Nguyễn C. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn anh Nguyễn C.

1. Xác định thửa đất số 95, tờ bản đồ số 21, diện tích 963,6m² đất nông nghiệp

trồng lúa tại địa chỉ khu phố Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định là di sản của vợ chồng cụ Lê Ch, cụ Trần Thị M chết để lại chưa phân chia.

2. Cụ Lê Ch, cụ Trần Thị M chết không để lại di chúc nên phân chia thừa kế tài sản thửa đất số 95, tờ bản đồ số 21 trên theo pháp luật.

3. Chia giao cho anh Nguyễn C được trọn quyền sử dụng thửa đất số 95, tờ bản đồ số 21, diện tích 963,6m² đất nông nghiệp trồng lúa tại địa chỉ khu phố Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; có giới cận:

- Phía bắc giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 21.
- Phía nam giáp thửa đất số 108, tờ bản đồ số 21.
- Phía đông giáp thửa đất số 96, tờ bản đồ số 21.
- Phía tây giáp đường bê tông.

Hiện trạng thửa đất có bản đồ địa chính kèm theo.

4. Buộc ông Lê S có nghĩa vụ giao lại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 21, diện tích 963,6m² đất nông nghiệp trồng lúa tại địa chỉ khu phố Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định cho anh Nguyễn C sử dụng.

5. Buộc anh Nguyễn C có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Lê S số tiền 12.669.500 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng) giá trị kỷ phần ông Lê S được nhận.

6. Buộc anh Nguyễn C có nghĩa vụ thanh toán lại anh Lê Hoàng T số tiền 1.267.000 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) giá trị kỷ phần anh Lê Hoàng T được nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, bị đơn ông Lê S có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm, giao thửa đất số 95, tờ bản đồ số 21, diện tích 963,6m² đất nông nghiệp tại khu phố Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, Bình Định để ông canh tác, thờ cúng ông bà tổ tiên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến

hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Hồng C, anh Lê Hoàng D, anh Lê Đình Ph, anh Lê Văn H, chị Lê Thị Chánh T, anh Lê Hoàng T, chị Lê Thị Chánh T, anh Lê Hoàng Đ, chị Lê Thị Chánh H, chị Lê Thị Chánh Th, chị Huỳnh Thị T, bà Lê Thị Ngọc A, anh Lê Văn L, ông Nguyễn Đức Th đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Lê Hoàng T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn C, bị đơn ông Lê S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất khai về quan hệ gia đình của cụ Lê Ch và cụ Trần Thị M, về hàng thừa kế và di sản thừa kế mà cụ Ch, cụ M để lại là thửa đất số 95, tờ bản đồ số 21, diện tích 963,6m² đất nông nghiệp trồng lúa tại địa chỉ khu phố Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (gọi tắt là thửa đất số 95), hiện nay thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ Ch, cụ M chết không để lại di chúc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất nêu trên của cụ Ch, cụ M là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Tuy nhiên, bị đơn ông Lê S kháng cáo yêu cầu giao thửa đất số 95 cho ông quản lý sử dụng để thờ cúng ông bà theo di nguyện của cha mẹ ông. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông không cung cấp được chứng cứ, chứng minh việc cha mẹ ông là cụ Ch, cụ M để lại di chúc cho ông trọn quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 95. Mặt khác, theo như ông S khai khi còn sống cha mẹ ông đã cho bà H (mẹ anh C) canh tác thửa đất nêu trên từ năm 1984, đến năm 2013, sau khi bà H mất thì anh C tiếp tục canh tác đến

năm 2020, việc canh tác thửa đất nêu trên của bà H, anh C là liên tục và không ai có ý kiến gì cho đến khi xảy ra tranh chấp với gia đình ông. Ngoài ra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là anh Lê Hồng C, anh Lê Hoàng D, anh Lê Văn H, chị Lê Thị Chánh T, chị Lê Thị Chánh T, anh Lê Hoàng Đ, chị Lê Thị Chánh H, chị Huỳnh Thị T, bà Lê Thị Ngọc A, anh Lê Văn L đều thống nhất để lại phần di sản của mình được nhận cho anh C. Vì vậy, giá trị kỷ phần mà anh C được nhận nhiều hơn so với giá trị kỷ phần của ông S được nhận. Do đó, ông S kháng cáo yêu cầu giao thửa đất số 95 cho ông là không phù hợp, không đảm bảo quy định diện tích đất tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Bình Định theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phân chia cho anh C được nhận hiện vật là quyền sử dụng thửa đất số 95, tờ bản đồ số 21 và buộc anh C thanh toán lại giá trị kỷ phần cho ông S, anh T là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích đã nêu, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lê S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê S được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, 623, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước.

2. Xác định thửa đất số 95, tờ bản đồ số 21, diện tích 963,6m² đất nông nghiệp trồng lúa tại địa chỉ khu phố Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định là di sản của vợ chồng cụ Lê Ch, cụ Trần Thị M chết để lại chưa phân chia.

3. Chia giao cho anh Nguyễn C được trọn quyền sử dụng thửa đất số 95, tờ bản đồ số 21, diện tích 963,6m² đất nông nghiệp trồng lúa tại địa chỉ khu phố Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; có giới cận:

- Phía bắc giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 21;
- Phía nam giáp thửa đất số 108, tờ bản đồ số 21;
- Phía đông giáp thửa đất số 96, tờ bản đồ số 21;
- Phía tây giáp đường bê tông.

4. Buộc ông Lê S có nghĩa vụ giao lại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 21, diện tích 963,6m² đất nông nghiệp trồng lúa tại địa chỉ khu phố Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định cho anh Nguyễn C sử dụng.

5. Buộc anh Nguyễn C có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Lê S số tiền 12.669.500 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng) giá trị kỷ phần thừa kế ông Lê S được nhận.

6. Buộc anh Nguyễn C có nghĩa vụ thanh toán lại anh Lê Hoàng T số tiền 1.267.000 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) giá trị kỷ phần thừa kế anh Lê Hoàng T được nhận.

7. Về chi phí tố tụng và án phí:

7.1. Chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản: Anh Nguyễn C tự nguyện chịu số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), anh Nguyễn C đã nộp xong.

7.2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn C phải chịu số tiền 2.723.000 đồng (Hai triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Nguyễn C đã nộp theo biên lai thu số 0005841 ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình

Định, anh Nguyễn C còn phải nộp số tiền 2.423.000 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng). Anh Lê Hoàng T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Lê S được miễn

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê S được miễn.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

9.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

9.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tuy Phước;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thắm

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Duy Nguyễn Văn Hiệp

Đỗ Thị Thắm

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hải

Võ Công Phương

Nguyễn Thanh Trà

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 29 tháng 6 năm

2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 29 tháng 6 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trà

Các Thẩm phán:

Ông Lê Xuân Hải

Ông Võ Công Phương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 51/2018/TLPT- DS ngày 30 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hủy hợp đồng mua bán tài sản giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Bảo – Sinh năm: 1972

Địa chỉ: 24 Nguyễn Văn, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Khá – Sinh năm: 1954

Địa chỉ: 110 Hùng Vương, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Đồng bị đơn: Anh Nguyễn Thế Hải – Sinh năm: 1973

Chị Nguyễn Thị Tuyết – Sinh năm: 1978

Địa chỉ: 359 Lê Hồng Phong, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đào Thị Thanh Cẩm – Sinh năm: 1983

Địa chỉ: 24 Nguyễn Văn, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Đại diện theo ủy quyền của chị Đào Thị Thanh Cẩm: Ông Hồ Khá – Sinh năm: 1954

Địa chỉ: 110 Hùng Vương, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

- Anh Nguyễn Văn Hùng – Sinh năm: 1965

Địa chỉ: 372 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Anh Ngô Khắc Đô – Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn Lâm Thao, xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

- Anh Thái Phước – Sinh năm: 1975

Địa chỉ: Lô 46 Đặng Thai Mai, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 116, 123, 133, 364, 430, 431, 440 của Bộ Luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 26 và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 99/2018/DSST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn về “ Tranh chấp hủy hợp đồng mua

bán tài sản” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bảo với bị đơn ông Nguyễn Thế Hải, bà Nguyễn Thị Tuyết. (Biểu quyết 3/3)

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật. (Biểu quyết 3/3)

3. Án phí:

3.1. Án phí DSST: sẽ được giải quyết khi xét xử lại vụ án.

3.2. Án phí DSPT: Ông Nguyễn Thế Hải, bà Nguyễn Thị Tuyết không phải chịu, hoàn lại cho ông bà tiền tạm ứng án phí kháng cáo là 300.000đồng theo biên lai thu số 00642 ngày 16/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

(Biểu quyết 3/3)

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 29 tháng 6 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hải

Võ Công Phương

Nguyễn Thanh Trà

